TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HBT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 226/2019/QĐST-VHNGĐ	*Quận HBT, ngày 29 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 149, khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 342/2019/TLST-VHNGĐ ngày 21/5/2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Bùi Thị Tuyết L, sinh năm 1963.**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: X- B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

- **Anh Khuất Văn N, sinh năm 1964**

Nơi ĐKNKTT: Số Y, B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: X- B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Bùi Thị Tuyết L và anh Khuất Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, Hà Nội vào ngày 18/5/1989. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm tính cách không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được nên tại buổi hòa giải tại Trung tâm hòa giải đối thoại- Tòa án nhân dân quận HBT ngày 21 tháng 5 năm 2019, chị L và anh N không đồng ý đoàn tụ. Anh chị thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, công nợ chung, về nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Chị L và anh N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận

sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tuyết L và anh Khuất Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là Khuất Hồng S, sinh ngày 01/02/1992 và Khuất Bình D, sinh ngày 29/9/2003. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Khuất Bình D cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Dành yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh N, chị L có yêu cầu. Do cháu Khuất Hồng S đã đủ 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh nên Tòa án không xem xét. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về công nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí: Chị Bùi Thị Tuyết L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Loan đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HBT theo biên lai số AA/2017/0002353 ngày 21 tháng 5 năm 2019. Chị L đã nộp đủ lệ phí việc hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận HBT;
- Chi cục thi hành án dân sự quận HBT;
- UBND phường Thanh Lương, HBT, Hà Nội;
(GCNKH số 51, quyển số 2 ngày 18/5/1989);
- Lưu HS-VP.

ThÈm ph¸n

Đỗ Thị Kim Oanh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; nếu Tòa án ra thông báo là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2), (3), (4) và (5) Ghi lần lượt đương sự của vụ án và tư cách tham gia tố tụng của họ. Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của người được thông báo; nếu là cơ quan,

tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức được thông báo (ghi theo đơn khởi kiện). Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên (ví dụ: Kính gửi: Ông Nguyễn Văn A).

(6) Ghi đầy đủ nội dung các vấn đề cần hòa giải trong vụ án (ví dụ: trong vụ án ly hôn các vấn đề cần được hoà giải có thể bao gồm: quan hệ hôn nhân, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng và các vấn đề khác có liên quan, (nếu có)).